| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 4 – VĨNH LONG**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 51/2025/DSST
Ngày: 04 – 9 – 2025.
*" V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - VĨNH LONG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Lanh.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Trung Du.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trương Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 236/2025/TLST- DS ngày 05 tháng 6 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lữ Thị N**, sinh năm 1974 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. (Nay là ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị N1**, sinh năm: 1956 (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông **Trần Văn Q**, sinh năm: 1955 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp R, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp R, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Trong đơn khởi kiện ngày 27/5/2025 và các lời trình bày khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Lữ Thị N trình bày*:

Do quen biết nên vào ngày 28/6/2024 chị có cho bà Nguyễn Thị N1 và ông Trần Văn Q vay số tiền 60.000.000đ để bà N1 mua sạp bán trái cây trên Bù Đăng . Bà N1 có

viết biên nhận và hẹn đến ngày 28/12/2024 trả sẽ vốn cho chị. Đến hẹn chị nhiều lần nhắc nhở nhưng bà N1 trốn tránh và không liên lạc được qua điện thoại với bà N1.
Nay chị yêu cầu bà N1 ông Q có trách nhiệm trả cho chị số tiền vốn vay là 60.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 29/01/2025 đến ngày 29/7/2025 là 06 tháng x 1,66% = 5.976.000đ. Tổng cộng là 65.976.000đ.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị N1 trình bày*: Bà thừa nhận có vay tiền của chị N số tiền 60.000.000đ bà có đóng lãi được 06 tháng thành tiền là 12.000.000đ tuy nhiên thì đối với số tiền lãi này bà không có yêu cầu gì. Nay bà thống nhất trả cho chị N số tiền vốn và lãi là 65.976.000đ, bà không có ý kiến gì khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Trần Văn Q vắng mặt nên không có lời trình bày.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long) giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa chị N và bà N1, ông Q. Theo quy định tại Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Văn Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Chị N yêu cầu bà N1, ông Q có trách nhiệm trả cho chị số tiền vốn vay và tiền lãi là 65.976.000đ. Bà N1 thừa nhận có vay tiền của chị N và thống nhất trả cho chị N số tiền nêu trên.

Ông Trần Văn Q là chồng bà N1 đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Q vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có lời trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

- Hội đồng xét xử nhận thấy: Xét yêu cầu khởi kiện của chị N là có căn cứ để chấp nhận. Vì việc chị N cho bà N1 vay tiền là có thật chị N đã cung cấp chứng cứ chứng minh là biên nhận nợ bản chính ghi ngày 28/6/2024. Hơn nữa việc này cũng được bà N1 thừa nhận.

Xét yêu cầu chị N yêu cầu bà N1 ông Q chồng bà N1 cùng có trách nhiệm trả cho chị N số tiền 65.976.000đ là có căn cứ vì tại thời điểm bà N1 vay tiền của chị N thì bà N1 ông Q là vợ chồng hợp pháp và bà N1 cũng thừa nhận bà vay tiền để mua

sạp bán trái cây chăm lo cho đời sống gia đình. Nên buộc ông Q cùng liên đới chịu trách nhiệm trả cho chị N số tiền trên phù hợp theo quy định tại Điều 27; 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Từ những nhận định nêu trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị N. Buộc bà N1, ông Q có trách nhiệm trả cho chị N số tiền vốn vay là 60.000.000đ tiền lãi tính từ ngày 29/01/2025 đến ngày 29/7/2025 là 06 tháng x 1,66% = 5.976.000đ. Tổng cộng là 65.976.000đ.

[6] Án phí sơ thẩm: Bà N1, ông Q tuy là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí nên buộc bà N1 ông Q phải nộp án phí số tiền là 3.299.000đ.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2, 5 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lữ Thị N.

- Buộc bà Nguyễn Thị N1 và ông Trần Văn Q có nghĩa vụ trả cho chị Lữ Thị N số tiền vốn vay là 60.000.000đ (Sáu chục triệu đồng) và tiền lãi là 5.976.000đ (Năm triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 65.976.000đ (Sáu mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- ***Án phí sơ thẩm***:

+ Buộc bà Nguyễn Thị N1 và ông Trần Văn Q phải nộp án phí là 3.299.000đ (Ba triệu hai trăm chín mươi chín nghìn đồng).

+ Chị Lữ Thị N không phải nộp án phí hoàn trả lại cho chị Lữ Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.625.000đ (Một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N$^{0}$ 0010230 ngày 05/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Lanh**